



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng điện Vneco 12

Ngày 30/09/2025	6,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.3%	-	-

DT thuần Q3/25
5.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.92 299%
YoY: ▼19.0 -78.4%

LN thuần Q3/25
-0.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.73 86.0%
YoY: ▼0.18 -298%

LN sau thuế Q3/25
-0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.72 84.3%
YoY: ▼0.17 -434%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.4%
YoY: +/- ▲ 22.1%

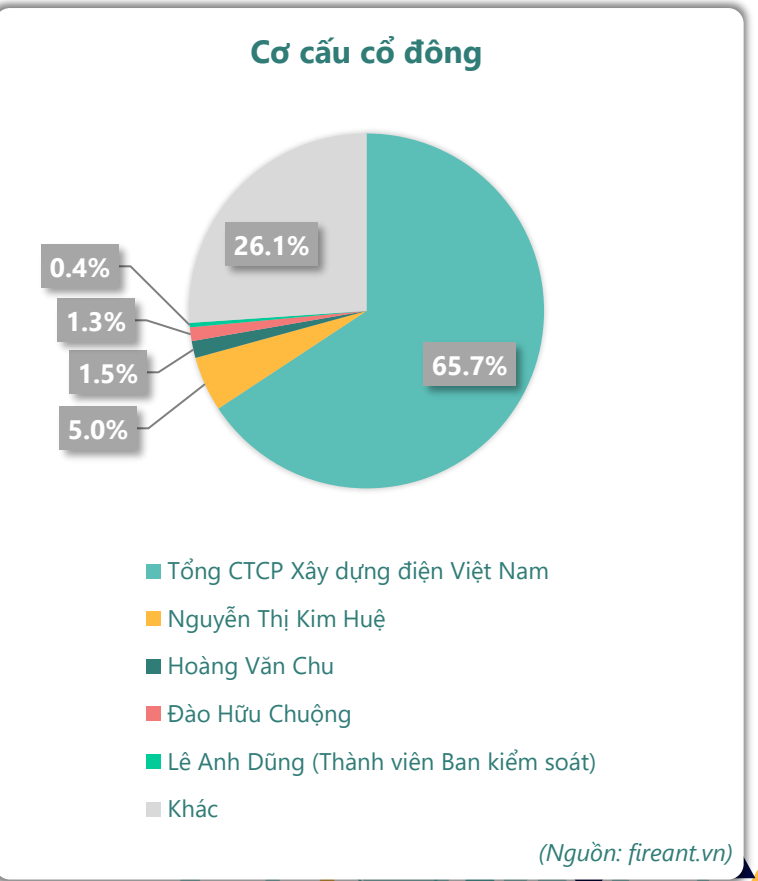
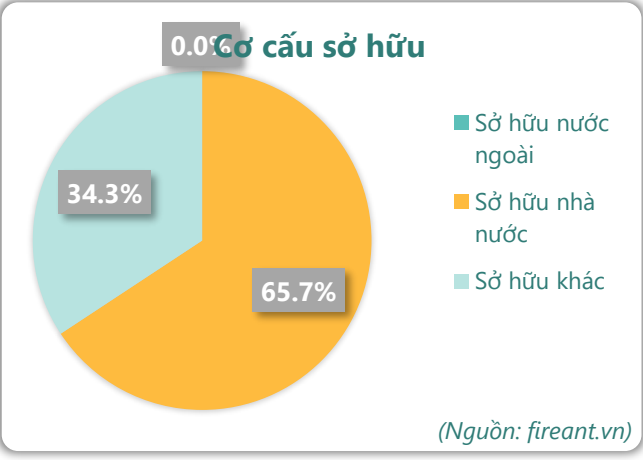
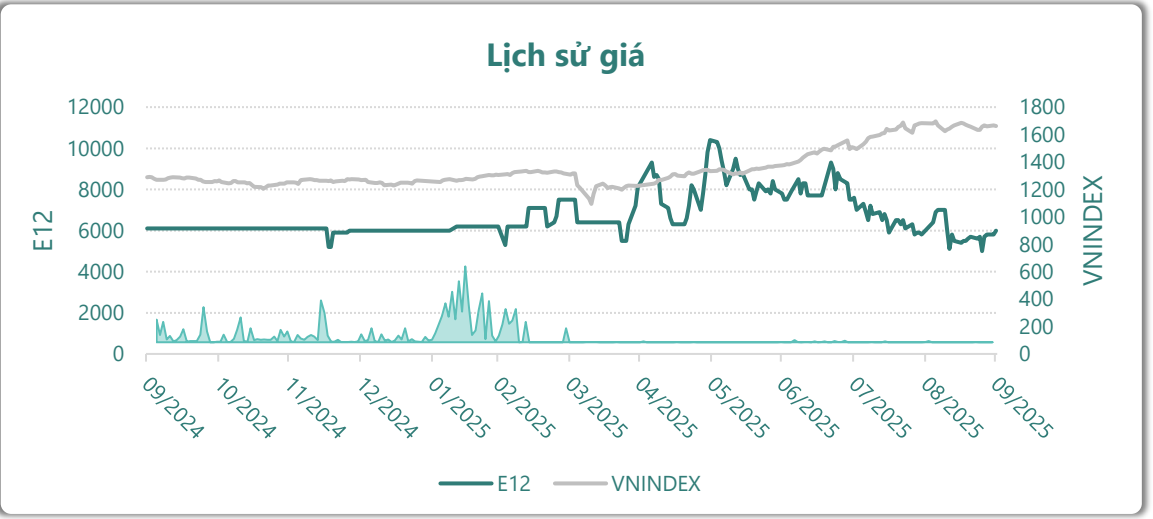
ROE (TTM) Q3/25
-15.1%
YoY: +/- ▼ 1.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,000 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7
Số lượng CPLH (CP)	1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,885
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.44
EPS	-1,375
P/E	-4.4

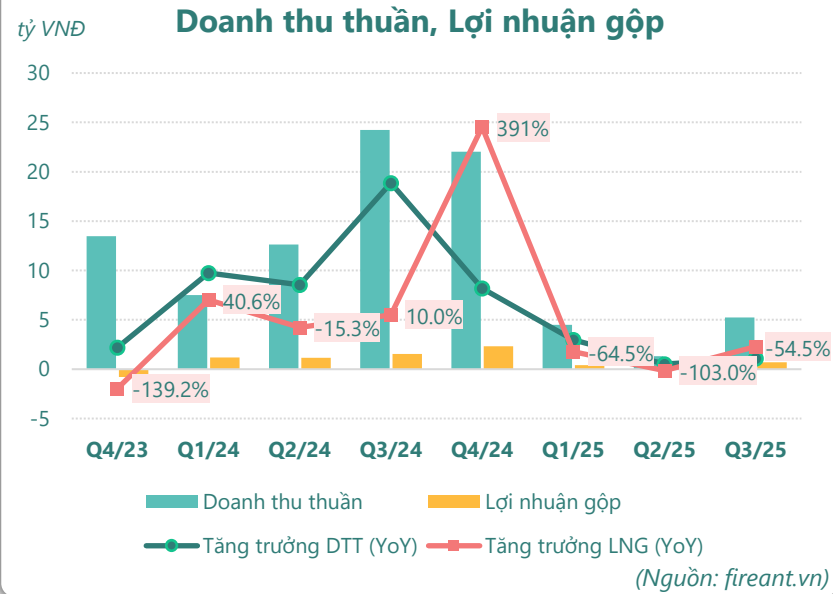
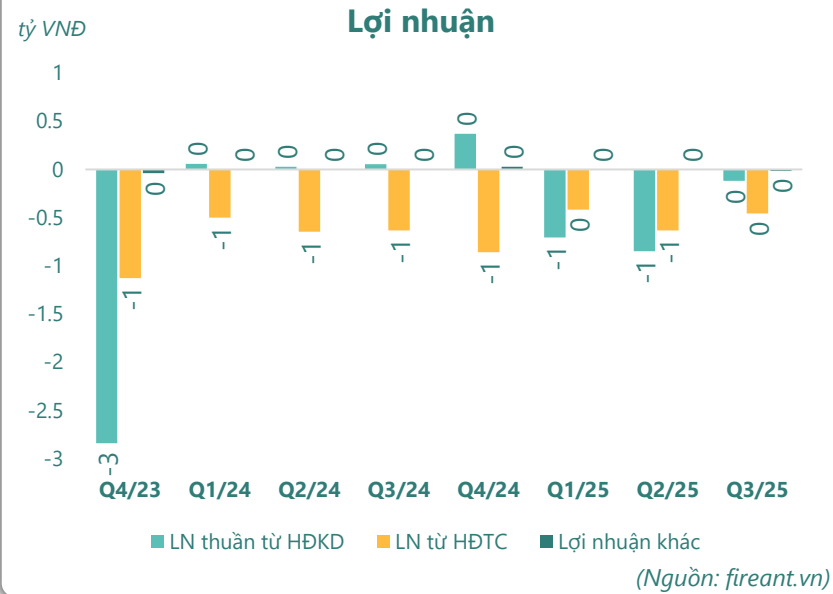
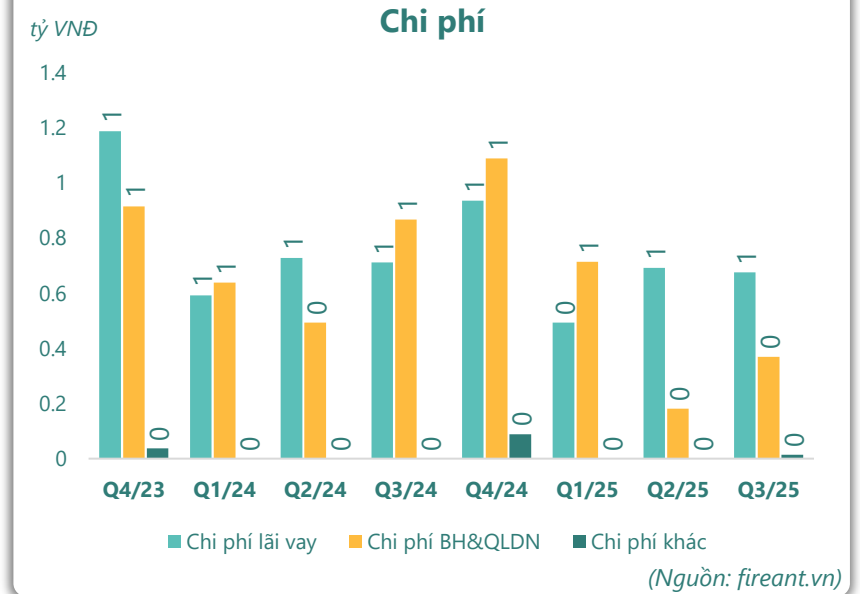
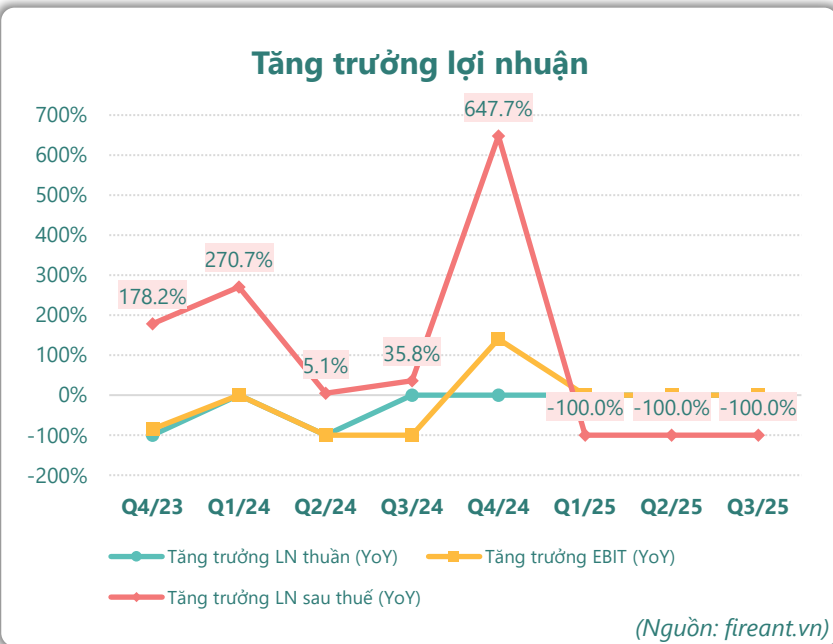
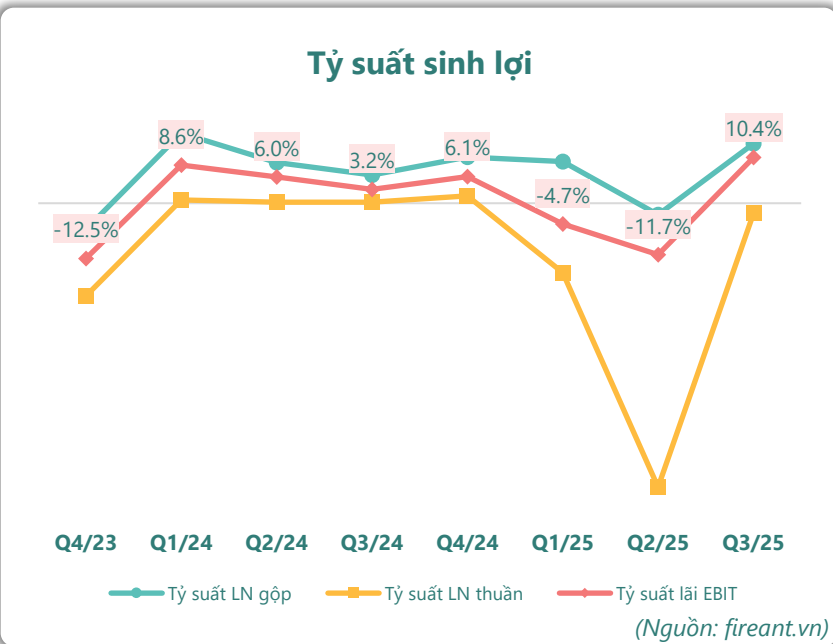
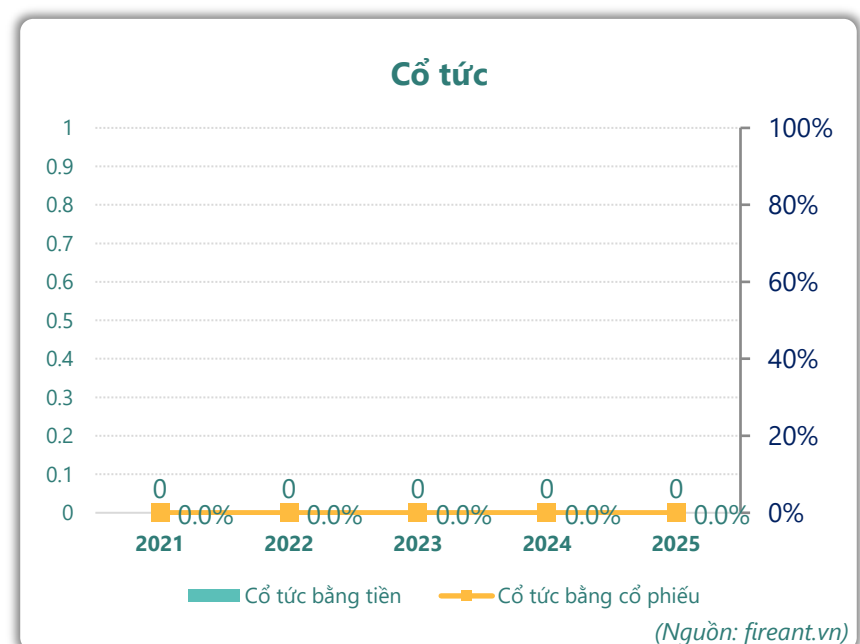
DT thuần 9T 2025
11.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.4 -75.2%

LN thuần 9T 2025
-1.67
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.81 -1300%

LN sau thuế 9T 2025
-1.69
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.79 -1755%



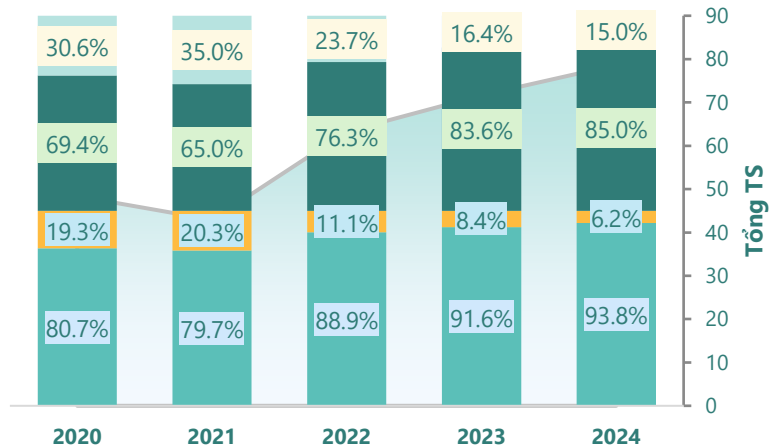
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

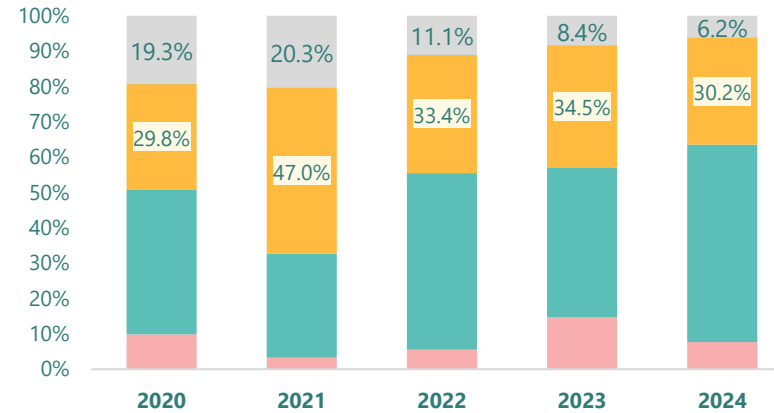
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

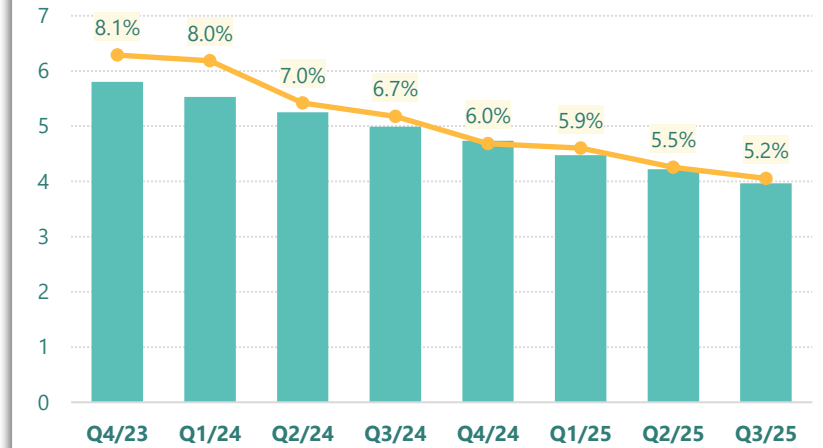


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

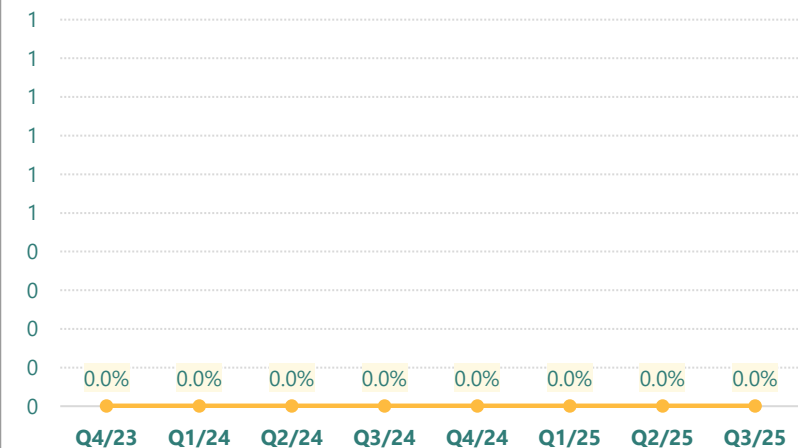


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

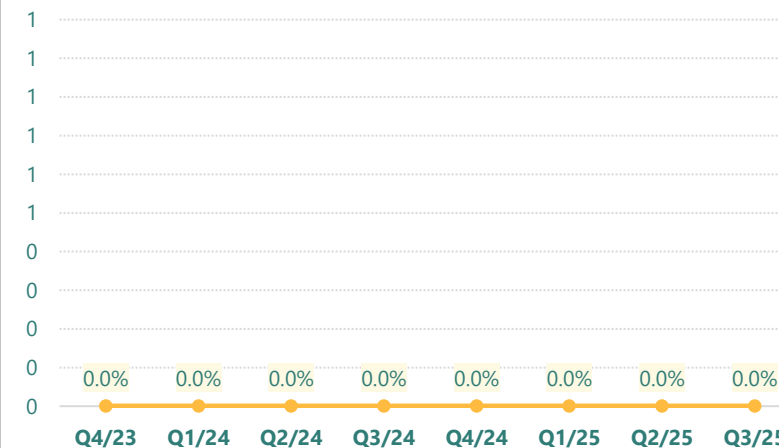


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

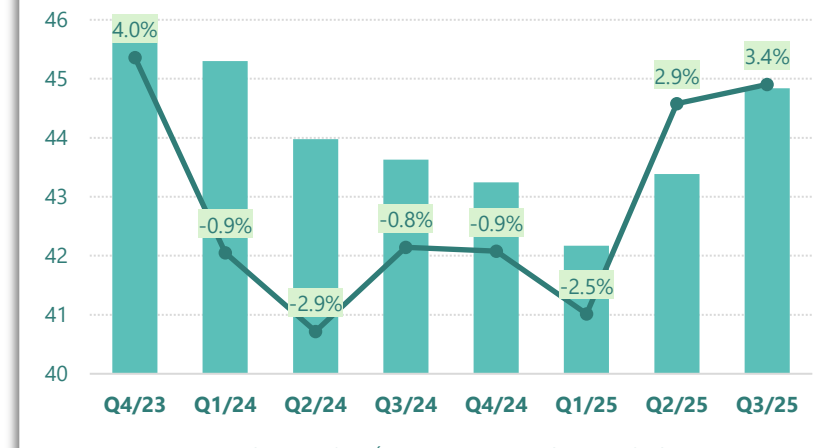


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

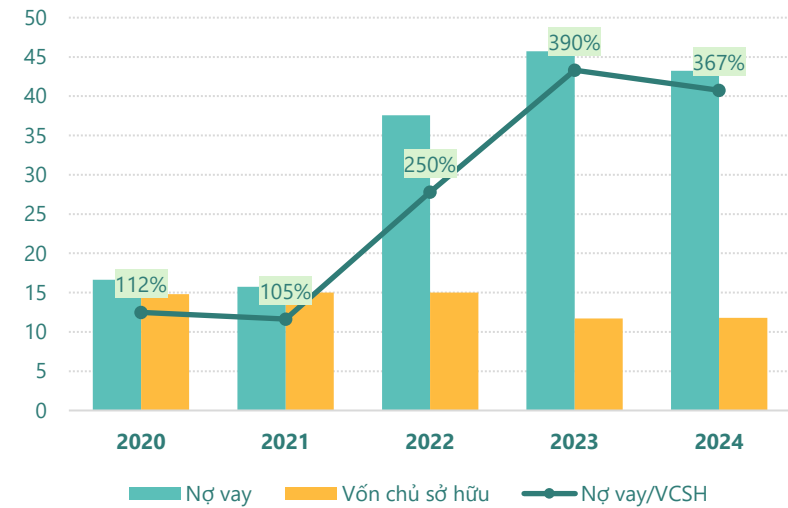
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

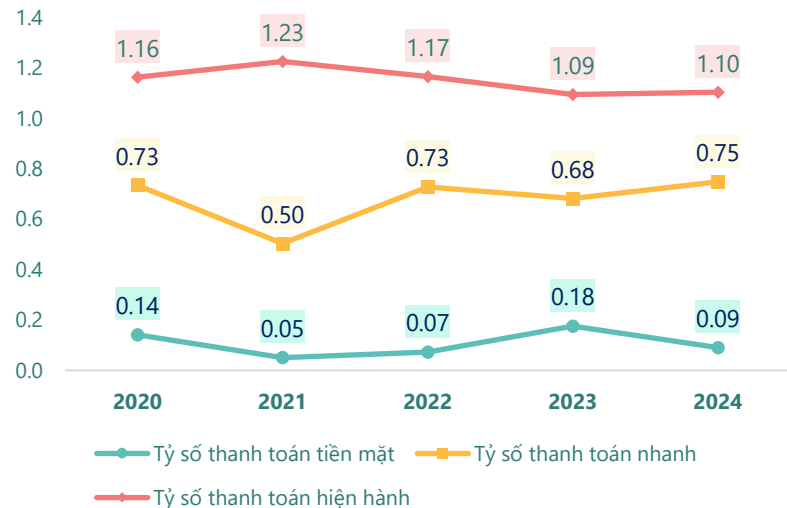
Nợ vay/VCSSH

tỷ VNĐ



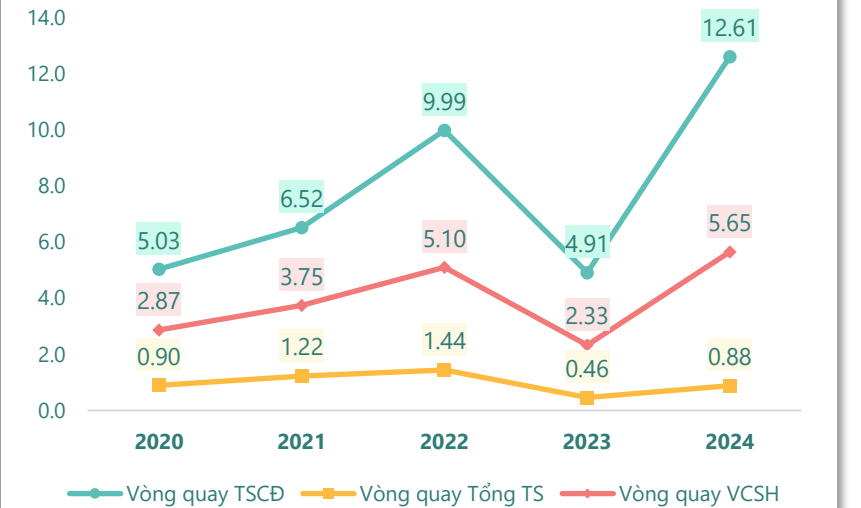
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



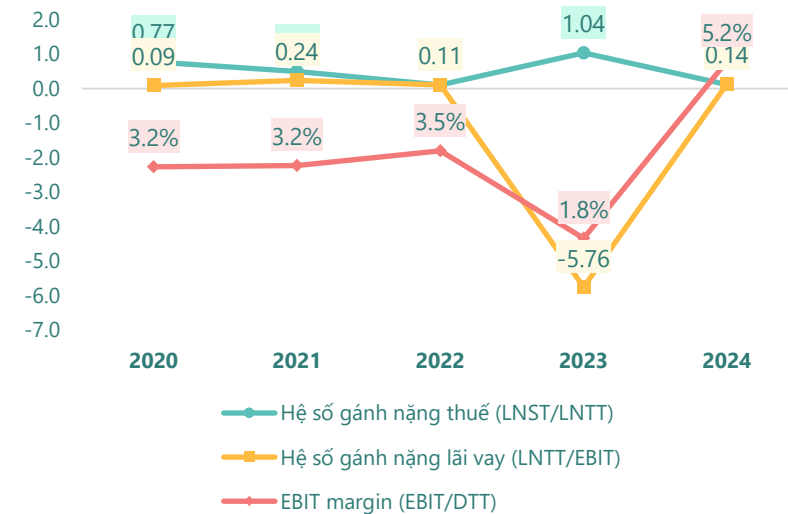
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



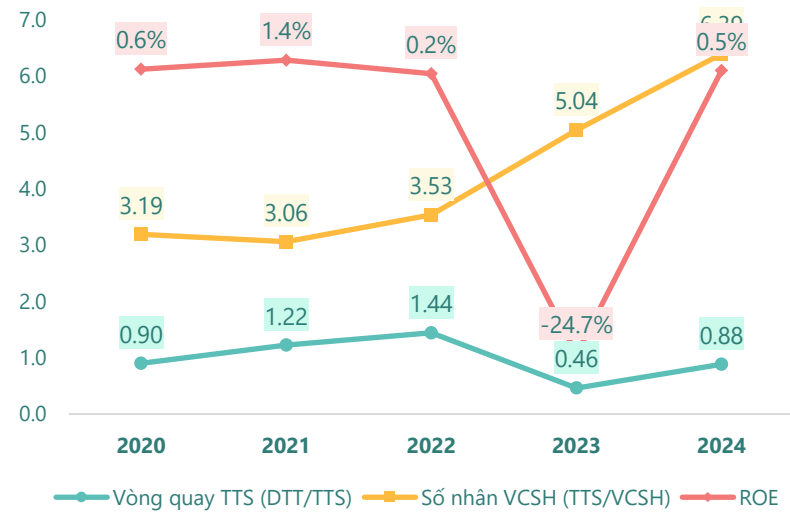
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



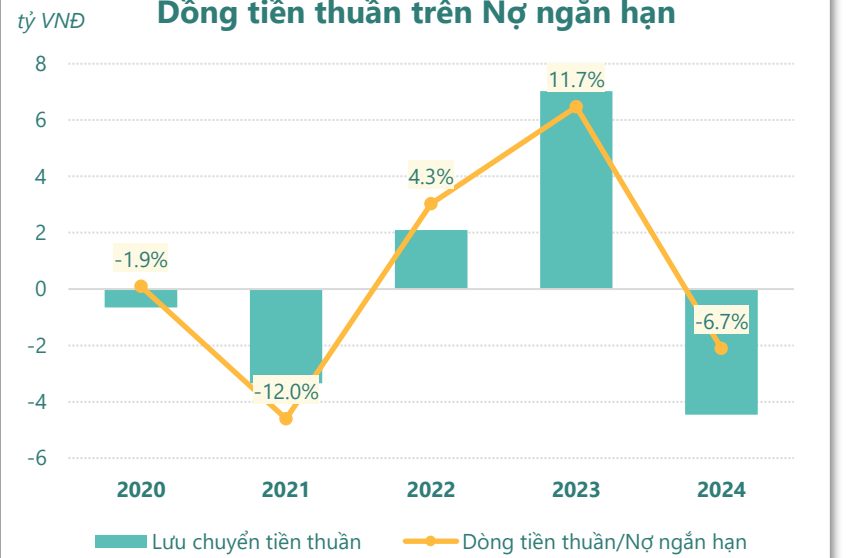
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5.23	24.2	-78.4%	11.0	44.4	-75.2%
Giá vốn hàng bán	4.52	22.7	-80.1%	9.93	40.5	-75.5%
Lợi nhuận gộp	0.71	1.56	-54.6%	1.10	3.92	-72.0%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.08	173%	0.36	0.25	41.2%
Chi phí TC	0.68	0.71	-4.8%	1.86	2.03	-8.4%
Chi phí lãi vay	0.68	0.71	-4.8%	1.86	2.03	-8.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.06	0.13	-51.6%	0.23	0.21	7.3%
Chi phí QLDN	0.31	0.74	-58.6%	1.04	1.79	-42.0%
LN thuần từ HĐKD	-0.12	0.06	-298%	-1.67	0.14	-1300%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00		-0.01	0	
LN trước thuế	-0.13	0.06	-322%	-1.69	0.14	-1310%
Lợi nhuận sau thuế	-0.13	0.04	-434%	-1.69	0.10	-1755%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.13	0.04	-434%	-1.69	0.10	-1755%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.29	0.07	1.68	1.54	-2.56	-0.41
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.20	-0.15	0.02	0.00	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.32	-0.35	-0.39	-1.07	1.21	1.71
Tiền đầu kỳ	11.5	8.95	8.87	6.07	6.56	5.22
Lưu chuyển tiền thuần	-2.59	-0.08	1.14	0.49	-1.34	1.31
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.95	8.87	10.0	6.56	5.22	6.53

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	76.0	78.7	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	71.9	73.8	-2.5%
Tiền và tương đương tiền	6.53	6.07	7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	34.6	43.9	-21.3%
Hàng tồn kho	30.7	23.7	29.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.03	559%
Tài sản dài hạn	4.10	4.87	-15.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.96	4.73	-16.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.13	0.14	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	65.9	66.9	-1.4%
Nợ ngắn hạn	65.9	66.9	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.8	43.2	3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	12.4	9.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	10.1	11.8	-14.3%
Vốn chủ sở hữu	10.1	11.8	-14.3%
Vốn điều lệ	12.0	12.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

